TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/DSST
Ngày: 28/6/2024
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Thành Thạnh Tiến
2. Ông Nguyễn Đức Tân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2023, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST- DS, ngày 10 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024; giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987.
Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* 1. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1999.
2. Chị Cao Thị Diễm M, sinh năm 1998.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
(Bà P xin vắng mặt; anh T và chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, bà Trần Thị Kim P là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Thành L là chủ cửa hàng vật tư thủy sản N. Từ năm 2022 đến năm 2023, vợ chồng anh T, chị M có mua thức ăn nuôi tôm của cửa hàng N. Hai bên thỏa thuận hình thức thanh toán là trả tiền khi nhận hàng hoặc cho nợ lại (ghi sổ). Thời hạn trả cuối cùng là ngày thu hoạch vụ tôm. Khi giao hàng, ông L có ghi vào sổ. Anh T có ký tên khi nhận hàng. Đến ngày 16/01/2023, tổng kết nợ, anh T có thống nhất còn nợ ông L 394.988.000 đồng và có ký nhận số tiền còn nợ trong sổ giao hàng. Khi mua thức ăn tôm, tuy chị M không ký tên vào sổ nhận hàng và không ký tên xác nhận nợ cúng anh T nhưng anh T mua thức ăn tôm là để cùng chị M nuôi tôm, phát triển kinh tế chung của vợ chồng. Do đó, ông L yêu cầu chị M cùng anh T có nghĩa vụ trả nợ cho ông L. Ông L nhiều lần yêu cầu anh T, chị M trả tiền còn nợ nhưng anh chị cứ hẹn dần, đến nay vẫn chưa trả. Ông L yêu cầu anh T, chị M trả số tiền mua thức ăn tôm còn nợ là 394.988.000 đồng và yêu cầu trả lãi do chậm trả tiền với mức lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian trả lãi từ ngày 16/01/2023 đến ngày xét xử (28/6/2024) lấy tròn 17 tháng, thành tiền lãi là 55.732.806 đồng. Tổng cộng tiền nợ vốn và tiền lãi là 450.720.806 đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Trung T và chị Cao Thị Diễm M, hợp lệ. Anh T và chị M trực tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh T, chị M cùng có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền còn nợ là 394.988.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,83%/tháng từ ngày 16/01/2023 đến ngày xét xử, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Ông Nguyễn Thành L yêu cầu anh Nguyễn Trung T và chị Cao Thị Diễm M trả lại tiền còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ngày 12/6/2024, bà P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh T và chị M vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung khởi kiện

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông L, yêu cầu anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả cho ông L tiền mua thức ăn thủy sản (thức ăn của tôm) còn nợ là 394.988.000 đồng. Xét thấy, tại "SỔ GIAO HÀNG Tên khách hàng: Trực", có nội dung: "… *còn nợ 394.988.000…"* có chữ ký và chữ ghi họ tên Nguyễn Trung T. Mặt khác, chị M và anh T là người trực tiếp nhận thông báo về việc thụ lý vụ án số 399/TB-TLVA, ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông nên biết rõ nội dung vụ kiện và yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng anh T, chị M không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L. Do đó, có cơ sở xác định anh T, chị M còn nợ ông L tiền mua thức ăn tôm là 394.988.000 đồng, nên phải có nghĩa vụ trả tiền còn nợ cho ông L.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm trả nợ

Bà P yêu cầu anh T, chị M trả cho ông L tiền lãi do chậm thực hiện việc trả nợ với theo lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian trả lãi từ ngày 16/01/2023 đến ngày xét xử (28/6/2024) lấy tròn 17 tháng, thành tiền lãi là 55.732.806 đồng. Xét thấy, khi mua bán hai bên thỏa thuận trả tiền ngay khi nhận hàng hoặc cho nợ đến khi thu hoạch vụ tôm (mỗi vụ tôm từ 3 tháng đến 4 tháng). Sau khi thu hoạch tôm, anh T, chị M không trả tiền cho ông L. Ngày tổng kết nợ là ngày 16/01/2023 nhưng từ đó đến nay, anh T, chị M cũng không trả tiền cho ông L là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay ông L yêu cầu anh T, chị M trả tiền lãi do chậm trả tiền là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Mức lãi suất bà P yêu cầu anh T, chị M trả cho ông L là 0,83%/tháng, không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi do chậm trả nợ của ông L. Buộc anh T, chị M có nghĩa vụ trả cho ông L tiền lãi của số tiền 394.988.000 đồng là 55.732.806 đồng.

[4] Xét về thời gian trả:

Bà Phượng yêu cầu anh T, chị M trả cho ông L tiền mua thức ăn tôm và tiền lãi tổng cộng 450.720.806 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, ông L trình

bày, khi mua bán có thỏa thuận thời gian trả tiền khi nhận hàng hoặc cho nợ lại đến khi thu hoạch vụ tôm. Mặt khác, anh T, chị M đã tổng kết nợ với ông L và ngưng việc mua bán từ ngày 16/01/2023, nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền. Ông L nhiều lần yêu cầu anh T, chị M trả tiền nhưng anh T, chị M không trả là làm thiệt thòi cho quyền lợi của ông L. Do đó, buộc anh T, chị M có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền mua thức ăn tôm và và tiền lãi tổng cộng là 55.732.806 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về phát biểu của kiểm sát viên:

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí

- Anh T, chị M có nghĩa vụ trả tiền cho ông L nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 2 Điều 357, Điều 430; Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 5 và khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

- Buộc anh Nguyễn Trung T và chị Cao Thị Diễm M cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền mua thức ăn tôm còn nợ tổng cộng là 450.720.806 (*bốn trăm năm mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn tám trăm lẽ sáu*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu anh Nguyễn Trung T và chị Cao Thị Diễm M không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Anh Nguyễn Trung T và chị Cao Thị Diễm M cùng có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.028.832 (*hai mươi hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm ba mươi hai)* đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án do Tòa án tống đạt hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI